VI.11-BB.HĐNT
09/2024/TT-BKHCN

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU
CẤP THÀNH PHỐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2026

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP THÀNH PHỐ

I. Những thông tin chung

1. **Tên đề tài:** Nghiên cứu xây dựng mô hình trồng kết hợp nhiều loại cây trên một tuyến đường, đảm bảo xanh và có nhiều đợt hoa trong năm tại thành phố Hải Phòng.

- Mã số: ĐT.NN.2023.953

- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Trung tâm Phát triển khoa học-công nghệ và Đổi mới sáng tạo nay là Trung tâm Đổi mới sáng tạo và ứng dụng KH-CN Hải Phòng.

- Chủ nhiệm nhiệm vụ: PGS.TS. Đặng Văn Hà, Viện trưởng Viện Kiến trúc cảnh quan và Cây xanh đô thị - Trường Đại học Lâm Nghiệp.

2. Quyết định thành lập Hội đồng: Số: 1105/QĐ-SKHCN ngày 24/9/2026 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

Thời gian:

- Bắt đầu: 14h00 ngày 30/9/2026

- Kết thúc: 16h30 ngày 30/9/2026

Địa điểm: Phòng Hội thảo Sở Khoa học và Công nghệ

4. Số ủy viên Hội đồng có mặt trên tổng số ủy viên: 6/7

Vắng mặt: 01 người, Ông Nguyễn Minh Tuấn - Chủ tịch Hội đồng ủy quyền cho bà Phạm Thị Sen Quỳnh – Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì Hội nghị

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1	Bà Đinh Thị Thủy	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông

II. Nội dung làm việc của Hội đồng: Sau khi bà Lê Thị Thúy, đại diện cơ quan nghiệm thu công bố quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu, danh sách các thành viên Hội đồng và giới thiệu các đại biểu tham dự phiên họp.

1. Bà Phạm Thị Sen Quỳnh, Phó Chủ tịch điều khiển phiên họp Hội đồng:

Scanned with CamScanner

- Thông qua chương trình làm việc của Hội đồng;

- Bầu Bà Dương Thị Hồng Nhung là thư ký khoa học;

- Bầu Bà Dương Thị Hồng Nhung - Trưởng ban kiểm phiếu Ông Nguyễn Hữu Quảng và Ông Vũ Thanh Hải thành viên ban kiểm phiếu;

2. Hội đồng đã nghe Chủ nhiệm nhiệm vụ trình bày báo cáo tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện, báo cáo các sản phẩm khoa học, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và báo cáo giải trình theo yêu cầu của ủy viên Hội đồng (nếu có); Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có); Phiếu nhận xét của uỷ viên phản biện; Phiếu nhận xét của ủy viên vắng mặt (nếu có).

3. Hội đồng đã trao đổi nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm nhiệm vụ: không

4. Chủ nhiệm nhiệm vụ trả lời các câu hỏi của các ủy viên Hội đồng; cung cấp thông tin, giải trình và bảo vệ kết quả thực hiện nhiệm vụ.

5. Hội đồng họp riêng:

5.1. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận:

- Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với các uỷ viên phản biện và thành viên tổ chuyên gia về từng chỉ tiêu đánh giá đã được quy định.

- Trên cơ sở đã xem xét, nghiên cứu toàn bộ hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan; kết quả đo đạc kiểm định lại những thông số kỹ thuật (nếu có); Hội đồng đã tham khảo Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia và các Phiếu nhận xét đánh giá của các uỷ viên phản biện; trao đổi thảo luận, nhận định về các kết quả của nhiệm vụ theo từng nội dung theo quy định; Hội đồng đã thực hiện đánh giá kết quả của nhiệm theo mẫu.

5.2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá. Kết quả kiểm phiếu đánh giá được trình bày trong biên bản kiểm phiếu gửi kèm theo.

6. Kết luận của Hội đồng về các nội dung đánh giá:

6.1. Về mức độ đáp ứng được yêu cầu số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm theo đặt hàng và hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các kết quả thực hiện nhiệm vụ:

a) Về chủng loại sản phẩm so với đặt hàng: đảm bảo đúng theo quyết định và hợp đồng.

b) Về số lượng, khối lượng sản phẩm so với đặt hàng: đảm bảo đúng theo quyết định và hợp đồng.

c) Về sản phẩm khoa học đạt vượt hợp đồng; những đóng góp khoa học mới của nhiệm vụ (nếu có): không.

Scanned with CamScanner

6.2. Về chất lượng sản phẩm và giá trị khoa học, giá trị thực tiễn của các kết quả thực hiện nhiệm vụ: là một trong những tài liệu tham khảo cho những nghiên cứu tiếp theo.

6.3. Kết quả đánh giá xếp loại chung của nhiệm vụ:

a) Kết quả đánh giá, xếp loại của Hội đồng ở mức sau *(đánh √ vào ô tương ứng)*:

☐ Xuất sắc ☐ Đạt ☐ Không đạt

b) Phần luận giải của hội đồng khoa học về kết quả đánh giá, xếp loại *(chọn √ vào ô tương ứng và luận giải)*:

☐ Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại "xuất sắc" bởi những lý do cụ thể dưới đây:

☐ Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại "đạt":

☐ Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại "không đạt" bởi những lý do cụ thể dưới đây:

(*Chi tiết đánh giá về nội dung công việc và sản phẩm tại Phụ lục kèm theo biên bản*)

6.4. Kiến nghị của Hội đồng:

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo tóm tắt ở những vấn đề sau:

- Đề nghị các nội dung của Báo cáo cần bám sát đúng các nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt thuyết minh

- Làm rõ các nghiên cứu kỹ thuật ghép (đặc biệt là nội dung ghép trên hoa giấy)

- Làm rõ các mô hình từ triển khai đến sản phẩm cụ thể, hiệu quả.

- Bổ sung nội dung và đề xuất lặp đặt trang thiết bị tưới nước và chiếu sáng cảnh quan phục vụ mô hình

- Bổ sung nội dung đề xuất quản lý vận hành mô hình, xử lý các sản phẩm là cây giống.

- Rà soát các số liệu, bảng biểu để đảm báo tính khoa học của báo cáo

- Rà soát lỗi in ấn, chính tả

b) Trung tâm Đổi mới sáng tạo và ứng dụng KH-CN Hải Phòng nghiệm thu các sản phẩm dưới đây

Danh mục sản phẩm khoa học đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và Hợp đồng:

STT	Tên sản phẩm	Ghi chú

Scanned with CamScanner

1	08 cây Bằng lăng nước và 08 cây Săng lẻ có tán lá là Tường vi hoa màu hồng; 45 cây hoa Tường vi có 3 màu hoa; 45 cây Hoa giấy có 3 màu hoa (hồng, vàng, đỏ); 48 cây hoa Mẫu đơn có 02 màu hoa (đỏ, vàng), cây, cành ghép phát triển khỏe mạnh, hình dạng tán cân đối.	
2	3.000 cây bóng mát giống; 1.500 cây bụi giống.	
3	01 hướng dẫn kỹ thuật nhân giống bằng hạt cho cây bóng mát, 01 kỹ thuật nhân giống bằng phương pháp giâm hom cho cây bụi phục vụ trồng cây đô thị tại thành phố Hải Phòng	
4	01 Hướng dẫn kỹ thuật ghép cải tạo nhằm đa dạng màu sắc và kéo dài thời gian ra hoa cho 02 giống cây bóng mát, 03 giống cây bụi.	
5	Mô hình trình diễn trồng kết hợp nhiều loại cây xanh đô thị trên một tuyến đường đảm bảo xanh và có hoa nhiều đợt trong năm sử dụng cây ghép cải tạo màu sắc và thời gian ra hoa.	
6	Báo cáo tổng kết đề tài và các báo cáo chuyên đề	

c) Công bố, xuất bản kết quả thực hiện nhiệm vụ: không.

d) Không công bố, xuất bản kết quả thực hiện nhiệm vụ: không.

Biên bản họp hội đồng được thông qua với sự thống nhất của các ủy viên Hội đồng dự họp vào 16h30 ngày 30 tháng 9 năm 2026.

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG	CHỦ TRÌ HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*
Dương Thị Hồng Nhung	**Phạm Thị Sen Quỳnh**

Scanned with CamScanner

CHI TIẾT Ý KIẾN CỦA TỪNG ỦY VIÊN
HỘI ĐỒNG KH&CN ĐÁNH GIÁ CẤP THÀNH PHỐ

Nghiên cứu xây dựng mô hình trồng kết hợp nhiều loại cây trên một tuyến đường, đảm bảo xanh và có nhiều đợt hoa trong năm tại thành phố Hải Phòng.

1. Ông Phạm Văn Điển:

- Rút phần trùng giữa mục 4.2.1 và 4.3.1; thống nhất "loài", "giống" và tổ hợp ghép; cập nhật mục lục, số hiệu bảng, đơn vị. Trích dẫn [7] trong tổng quan nói về Dạ hợp nhưng danh mục là Cẩm tú cầu; số [21] bị trùng. Cần kiểm tra nguồn gốc từng dẫn liệu, thu hẹp nhận định "chưa có công trình..." và làm rõ phần kế thừa, phần bổ sung của đề tài.

- *Làm rõ nội hàm mô hình.* Tên đề tài đặt trọng tâm vào "xây dựng mô hình", nhưng Chương 7 *chưa kết nối rõ các thành phần thành một hệ thống*. Đề nghị bổ sung sơ đồ đầu vào - quá trình - đầu ra: đầu vào gồm lập địa, mặt bằng, hạ tầng, cây hiện có, vật liệu cây trồng, nhân lực và kinh phí; quá trình gồm lựa chọn tổ hợp, thiết kế tầng tán - cự ly - mùa hoa, tạo cây, trồng và duy trì; đầu ra gồm tỷ lệ sống, nền xanh, các đợt hoa, thẩm mỹ, an toàn và chi phí. Chỉ rõ quan hệ giữa các thành phần và cách dùng kết quả theo dõi để điều chỉnh. Không đồng nhất mô hình với bản vẽ hoặc danh sách cây.

- *AHP chưa được sửa đồng bộ.* Bảng 4.8 có tổng trọng số bằng 1, nhưng nhóm B2 có tổng bằng 0,2394, không bằng trọng số cấp 1 là 0,2970; Bảng 4.9 vẫn dùng bộ trọng số có tổng bằng 0,9833. Bảng 4.7 chấm Săng lẻ 17 điểm ở C6, vượt mức tối đa 15. Cần kiểm tra ma trận, cách tổng hợp ý kiến, chuẩn hóa trọng số và tính lại điểm, thứ hạng; bổ sung số chuyên gia, tỷ lệ nhất quán CR và căn cứ phân hạng.

- *Đơn vị phân tích chưa rõ.* Phân biệt cây, cành, khối và lần lặp; xử lý sự phụ thuộc giữa các cành trên cùng cây và các lần đo. Mục 2.5.2.4 lấy trung bình của rễ dài nhất và ngắn nhất làm "chiều dài rễ trung bình" là chưa đúng; cần đổi tên chỉ tiêu hoặc tính trung bình từ các rễ thực đo, sau đó kiểm tra lại chỉ số ra rễ.

- *Bổ sung biểu diễn không gian - thời gian.* Hình 7.2, 7.4 đã có bản vẽ, phối cảnh; Bảng 7.2, 7.3, 7.6 đã có lịch cảnh quan, nhưng chưa thấy biểu đồ liên kết vị trí cây với diễn biến hoa. Đề nghị bổ sung tại Chương 7 trục chiều dài tuyến (m) gắn mã loài/cụm, cự ly, tầng cây và biểu đồ loài/tổ hợp ghép × tháng 1-12, dùng cùng mã để đối chiếu. Thể hiện bắt đầu - nở rộ - kết thúc, gối tiếp và gián đoạn; tổng hợp số loài/tầng có hoa và mức duy trì nền xanh. Tách dữ liệu thực đo với mô phỏng.

- *Có sai lệch số học cần rà soát.* Bảng 5.5: ba lần lặp chiều cao cây Vàng anh ở đối chứng, 12 tháng tuổi là 38,7; 38,3; 39,3 cm, cho SD xấp xỉ 0,50 cm, không phải là 6,17 cm như bảng. Bảng 5.9, đối chứng ở 3 tháng tuổi: trung bình của 11,5; 11,9; 11,1 phải là 11,5 cm, không phải 10,5 cm. Rà soát toàn bộ số trung bình, SD, mẫu số và ký hiệu so sánh từ số liệu gốc.

- *Hai báo cáo chưa khớp.* Ghép đoạn cành sau 5 tuần: Bảng 6.1 báo cáo tổng hợp ghi 75% và 70,8% cho Bằng lăng, Săng lẻ; mục 4.8 báo cáo tóm tắt ghi 52,5% và 50,8%. Cần thống nhất chỉ tiêu, thời điểm và số liệu; không chỉ sửa lời diễn giải.

Scanned with CamScanner

- *Phạm vi suy rộng cần giới hạn.* Làm rõ phạm vi khảo sát nội thành và địa điểm mô hình ở An Khánh; bổ sung thời điểm, chiều dài tuyến, số cây và cơ cấu phiếu điều tra. Không suy rộng một đoạn ven di tích cho mọi tuyến đường đô thị.

- *Cần chuyển từ kê khai sang minh chứng.* Bổ sung số cây đạt quy cách theo từng loài, số đã trồng, còn sống và còn lưu giữ tại thời điểm kiểm tra; xác nhận khối lượng, quy mô thực tế từng mô hình. Bổ sung Công văn số 1991/SKHCN-QLKH ngày 21/5/2026 về bỏ báo cáo thành phần số 16; không coi đây là thiếu sản phẩm nếu đã được điều chỉnh hợp lệ.

- *Một số hạng mục chưa rõ.* Cột yêu cầu của mô hình tại Trung tâm có hệ thống đèn và tưới tự động, nhưng cột kết quả chỉ nêu tưới tự động. Làm rõ hệ thống đèn đã thực hiện hay được điều chỉnh; bổ sung thông tin về hồ sơ kiểm tra, bàn giao tương ứng.

- *Hướng dẫn chưa thống nhất với kết quả.* Kết quả chọn ruột bầu 89% đất + 10% phân vi sinh + 1% NPK cho Ban, Vàng anh và 87% + 10% + 3% cho Lim xẹt; mục 5.5 lại hướng dẫn 80% đất + 18% phân chuồng + 2% supe lân. Cần chỉ rõ căn cứ lựa chọn hoặc chỉnh lại; đồng thời thống nhất $MnSO_4$/$KMnO_4$, mức che sáng và quy cách cây. Tiêu chuẩn cây hom 20-30 cm ở mục 5.6.11 cần phân biệt với yêu cầu sản phẩm cây bụi cao trên 50 cm.

- *Khuyến cáo thuốc cần sửa trước khi chuyển giao.* Mục 5.5.1(e), tr. 96 ghi "Methyn parathion 0,1%": cần xác minh tên hoạt chất, không giữ khuyến cáo chưa được xác định hợp lệ. Nếu là Methyl Parathion thì *thuộc danh mục cấm* tại Phụ lục II, Thông tư 75/2025/TT-BNNMT. Rà soát toàn bộ thuốc và liều dùng trong hướng dẫn.

- *Kết luận mùa vụ ghép vượt phạm vi kiểm chứng.* Bảng theo dõi vụ Hè Thu chỉ có ba loài cây bụi, trong khi kết luận vụ Xuân tốt hơn cho cả năm loài gốc ghép. Với Bằng lăng, Săng lẻ, chỉ kết luận theo mùa vụ đã thực sự thí nghiệm; không suy diễn độ bền mối ghép từ tỷ lệ sống, bật chồi.

- Làm rõ giải pháp trước đây, nội dung được cải tiến, bằng chứng so sánh và phạm vi áp dụng. Việc dùng AHP, kỹ thuật ghép hoặc tăng số màu hoa tự nó chưa chứng minh tính mới, tính ưu việt hay tạo giống mới. Cần phân biệt kết quả tốt nhất trong các công thức đã thử với tối ưu chung.

- *Phân biệt kiểu mô hình với địa điểm áp dụng.* Chương 4 nêu năm dạng dải, khối, điểm, hỗn hợp, chủ đề; Bảng 4.2 xếp ưu tiên 30 tuyến, không phải 30 mô hình đã xây dựng. "Chủ đề" là trục phân loại khác với dạng bố cục, có thể kết hợp các dạng còn lại. Cần nêu khung chung và các biến thể; không mặc nhiên coi mỗi đường phố là một kiểu mô hình mới.

- *Chỉ rõ khác biệt từ hai thiết kế cụ thể.* Theo mục 7.1, tuyến trước Đền Trần Tất Văn dài khoảng 110 m, tổ chức bốn tầng theo nhịp dọc tuyến, với Sa la ở tầng cao và Săng lẻ ghép Tường vi ở tầng trung; khuôn viên Trung tâm khoảng 1.003,9 m^2, bố trí ba tầng theo đám, phục vụ tham quan và trình diễn ghép. Đề nghị thêm bảng so sánh mục tiêu, lập địa - hạ tầng, tổ hợp và tỷ lệ cây, bố cục - cự ly, lịch hoa, mức chăm sóc; giải thích vì sao các phương án khác nhau và phù hợp với nhóm địa điểm nào.

- Bảng 7.5 và phần diễn giải còn dùng tỷ lệ sống, tăng trưởng dự kiến; kết luận vừa viết "dự thảo được mô hình", vừa khẳng định đã đạt mục tiêu. Cụm "tỷ

Scanned with CamScanner

lệ sống dự kiến trên 100%" ở tr. 133 là sai. Mỗi mô hình cần có ngày trồng, thời gian theo dõi, số cây sống/chết/trồng dặm và kết quả kiểm tra thực tế.

- *Chưa đủ căn cứ khẳng định hiệu quả quanh năm.* Bảng 7.2, 7.3 mô tả tháng 1 và 12 chủ yếu có hoa tầng thấp, nên cần kiểm tra vai trò bổ khuyết của tầng này và độ liên tục của nền xanh. Phân biệt nhiều đợt hoa với hoa nở liên tục, không đòi hỏi mọi cây đều có hoa quanh năm. Lịch hoa phải ghi nguồn, số đợt, thời gian có hoa và gián đoạn; đánh giá thẩm mỹ bằng thang đo và ảnh tại điểm cố định. Chưa đủ quan sát các mùa thì chỉ kết luận về thiết kế và hiệu quả ban đầu.

- *An toàn và điều kiện nhân rộng cần cụ thể.* Kiểm tra không gian rễ, tán khi trưởng thành, tầm nhìn, gió bão, mối ghép và nguy cơ quả rụng của Sa la. Làm rõ dải đất ven đường khác với vỉa hè; không khuyến nghị chung về việc trồng cây gỗ lớn trên mọi dải rộng 1,5-3 m. Đối chiếu với Nghị định 258/2025/NĐ-CP và Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND của Hải Phòng khi hoàn thiện thiết kế, hướng dẫn.

- *Hoàn thiện kế hoạch bảo trì.* Cụ thể hóa cho từng mô hình theo công việc - thời điểm/tần suất - nhân lực/vật tư - chi phí - đơn vị chịu trách nhiệm - tiêu chí hoàn thành. Bao gồm tưới, thoát nước, cắt tỉa phù hợp với mùa hoa, kiểm tra mối ghép, xử lý chồi gốc ghép, trồng dặm, kiểm tra trước/sau mưa bão và bảo dưỡng hệ thống tưới, đèn nếu có.

- *Duy trì chức năng của cả tổ hợp.* Không chỉ duy trì cây sống, mà phải duy trì cấu trúc, nền xanh, nhịp hoa và độ an toàn đã thiết kế. Nêu cách điều chỉnh khi cây lớn, tán tầng cao che quá mức tầng dưới, mất cây làm gián đoạn mùa hoa hoặc thiếu cây thay thế. Cây thay thế phải đáp ứng vai trò tầng tán và mùa hoa của tổ hợp; phân biệt chăm sóc năm đầu với giai đoạn ổn định

- *Lượng hóa giá thành và công duy trì.* Mục 4.1.2 đã bàn các yếu tố kinh tế nhưng Chương 7 chưa có bảng chi phí và công lao động cho từng mô hình. Tách chi phí nghiên cứu khỏi chi phí triển khai; tính giá cây theo loài, quy cách, chi phí thiết lập, chăm sóc năm đầu và duy trì hằng năm, kể cả nước, vật tư, máy móc, cắt tỉa, thu gom và trồng dặm. Quy đổi ra đồng/100 m tuyến, đồng/100 m tuyến/năm và công/100 m tuyến/năm; ghi rõ bề rộng, một hay hai bên đường. Với khuôn viên, quy đổi theo 100 m²; thống nhất số giờ/ngày công và so sánh phương án thông dụng cùng điều kiện, yêu cầu cảnh quan.

- *Làm rõ tính độc đáo từ góc độ sử dụng.* Với Sa la, Săng lẻ/Bằng lăng ghép Tường vi và các cây ghép nhiều màu, chỉ rõ ưu thế hình thái, tầng hoa, lịch hoa hoặc bản sắc so với cây đang dùng tại địa phương; đồng thời nêu nguồn cung cây đạt quy cách, khả năng thay thế và yêu cầu thợ chuyên môn. Không lấy độ lạ hay nhiều màu làm bằng chứng đủ cho hiệu quả; cần cân nhắc khả năng thích nghi, độ an toàn, chống chịu rủi ro, chi phí và mức chấp nhận của người sử dụng.

- *Làm rõ điều kiện tiếp nhận và triển vọng.* Xác định đơn vị tiếp nhận, nguồn kinh phí, trách nhiệm bảo hành - bảo dưỡng và hồ sơ bàn giao; phân biệt giải pháp có thể chuyển giao với nội dung cần tiếp tục thử nghiệm. Các nhận định "chi phí duy trì thấp", "giảm công vệ sinh", "chống xói mòn" cần số liệu so sánh; nếu chưa có số liệu thì nên trình bày là lợi ích kỳ vọng.

2. Ông Nguyễn Hữu Quảng:

- Tại phần đánh giá mô hình, Bảng 7.5 ghi nhận tỷ lệ sống 100% đối với nhiều nhóm cây; tuy nhiên ngay sau đó lại ghi "tỷ lệ sống dự kiến đạt trên 90%".

Scanned with CamScanner

Bảng 7.5 còn được trình bày là kết quả theo dõi thực tế nhưng một số chỉ tiêu tăng trưởng lại mang tính dự kiến.

- Tại phần kết luận, trang 133 của báo cáo: Tỷ lệ sống dự kiến trên 100% đối với các nhóm cây chính: phần đánh giá mô hình còn thiên về mô tả, chưa chứng minh đầy đủ bằng hồ sơ nghiệm thu và số liệu theo dõi thực tế. Báo cáo có xây dựng Bảng 7.5, Bảng 7.6, Bảng 7.7 và Bảng 7.8 để đánh giá hiệu quả kỹ thuật, cảnh quan và mức độ đáp ứng mục tiêu. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu được xác định trên cơ sở dự kiến hoặc suy luận từ đặc tính sinh học của cây, chưa thể hiện đầy đủ số liệu đo đạc thực tế tại thời điểm nghiệm thu.

- Trong bảng sản phẩm, báo cáo ghi đã "triển khai mô hình" tại tuyến đường phía trước Đền thờ Trần Tất Văn; tuy nhiên phần kết luận lại sử dụng cụm từ "Dự thảo được mô hình phối kết hợp...". Cách diễn đạt này chưa thống nhất giữa mô hình đã xây dựng và mô hình mới dừng ở thiết kế/dự thảo.

- Đề nghị xác định rõ: mô hình đã thi công hoàn chỉnh đến mức nào, thời điểm trồng, thời điểm nghiệm thu, diện tích, số lượng, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cây thực tế của mô hình, tình trạng cây tại thời điểm nghiệm thu và có biên bản nghiệm thu hay chưa.

- Phần Kết luận đang trình bày thành mục IV. KẾT LUẬN (trong khi báo cáo không có các phần I, II, III) và nằm trong Chương 7. Đề nghị trình bày thành một phần riêng, độc lập.

- Mục lục của Báo cáo thiếu phần Chương I. Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung.

- Phần kết luận của mô hình (trang 133) ghi "Dự thảo được mô hình phối kết hợp trồng cây cảnh quan cho tuyến đường phía mặt tiền khu Đền thờ Trần Tất Văn và mô hình trồng cây và trình diễn kỹ thuật ghép, chăm sóc, nhân giống cây cảnh quan tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Ứng dụng KHCN Hải Phòng...." Đề nghị chỉnh sửa, làm rõ theo hướng kết quả thực hiện.

- Đề nghị chỉnh sửa nội dung "Tỷ lệ sống dự kiến trên 100%" tại phần kết luận về hiệu quả kỹ thuật của mô hình thiết kế và xây dựng cảnh quan đoạn đường phía mặt tiền Đền thờ Trần Tất Văn.

3. Ông Vũ Thanh Hải

+ Nội dung 1: có được coi là nội dung nghiên cứu không?

+ Phần phương pháp nghiên cứu mô tả rõ thông tin về:

Công việc 4.2: Nên nêu thành phần và hàm lượng chất chính của nhà sản xuất công bố để trong trường hợp cần thiết có thể lặp lại thí nghiệm; 10% phân vi sinh là tính theo thể tích hay khối lượng? Cần nêu tỷ lệ nguyên chất của phân NPK. 1-3% là tính theo nồng độ phân pha loãng trong nước hay thể tích hoặc khối lượng? Thí nghiệm che sáng, các công thức cần ghi rõ che sáng giảm theo chỉ tiêu cường độ ánh sáng.

Công việc 4.3: Kích thước túi bầu nên ghi rõ đơn vị là cm; Thuốc trừ bệnh nên ghi tên hoạt chất và lấy ví dụ đối với tên thương mại.

Công việc 5.1, 5.2, 5.3, 5.4: ghép đoạn cành nên thay bằng 'ghép vát' vì 2 cách ghép đều là ghép đoạn cành.

Scanned with CamScanner

+ Phần kết quả nghiên cứu: Rà soát các bảng bổ sung đủ đơn vị tính; ví dụ: Bảng tính hiệu quả kinh tế

Bảng 5.1: Kết nối với cột bên trái để thống nhất định dạng (format) của bảng. Nên bỏ cột 2. Thực hiện tương tự với bảng khác như 5.2, 5.3. Bổ sung kết quả nghiên cứu ghép cho cây hoa giấy. Rà soát lỗi từ chuyên ngành; ví du: .

Bảng 5.4: Nên viết tối giản vì đã có CT1 là công thức gán tương ứng. Bỏ cột 2; chỉ lấy giá trị trung bình của 3 lần lặp lại trong thí nghiệm – không trình số liệu của 3 lần lặp lại. Thực hiện tương tự đối với bảng 5.6, 5.7, 5.9 và 5.10.

Bảng 5.8: Nên ghi thông tin cụ thể cho phẩm chất cây đạt mức A, B, C trong phần phương pháp nghiên cứu.

Bảng 5.11: Nên bỏ cột 2; Nên thống nhất với bảng khác về định dạng công thức gán tương đương: VD: CT1: IAA nồng độ 300 ppm.

Bảng 5.14: Nên bỏ cột 2. Trình bày cụ thể cách tính 'chỉ số ra rễ' trong phần phương pháp nghiên cứu. Đề nghị rà soát tất cả các bảng trong phần kết quả và chỉnh sửa theo góp ý.

Trong bản thiết kế nên có chú thích cho loại cây sử dụng để dễ theo dõi.

Hướng dẫn kỹ thuật về ghép và gieo hạt: Nên chuyển về phần phụ lục để tránh nội dung chính của báo cáo quá dài. Những kết quả nghiên cứu cần được cập nhật vào trong quy trình.

Phần mô hình nên viết cụ thể hơn và có số liệu thống kê cụ thể hơn: ví dụ như chiều dài tuyến cây cảnh quan, diện tích, số lượng cây từng loại sử dụng.

+ Phần kết luận: Nên viết gọn lại trong khoảng 1 trang. Kết luận theo nội dung.

+ Nên đóng hồ sơ của sản phẩm thành một quyển riêng và bổ sung minh chứng sản phẩm.

4. Bà Dương Thị Hồng Nhung:

- Bổ sung các tài liệu kỹ thuật thể hiện việc thực nghiệm 02 mô hình, quá trình triển khai, hiện trạng trồng, khả năng sinh trưởng phát triển của cây, hiệu quả ban đầu của mô hình

- Bổ sung bản vẽ thiết kế mô hình (mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt, phối cảnh 3D và video)

- Minh chứng cụ thể các sản phẩm cụ thể được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt thuyết minh: 8 cây bằng lăng, 8 cây sang lẻ… 3000 cây bóng mát, 1500 cây bụi

5. Bà Phạm Thị Sen Quỳnh:

- Về mô hình trình diễn cần làm rõ hơn các yếu tố của mô hình.

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG

Dương Thị Hồng Nhung

Scanned with CamScanner